

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/DSPT

Ngày: 15/02/2023

V/v: Tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 và 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLPT- DS ngày 12/10/2022 về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 05/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2022/QĐ-PT ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, C, phường Đ, thành phố TS, tỉnh BN

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Quốc Đ - Luật sư công ty luật TNHH Trí Tuệ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc Đ và bà Đào Thị Lan Anh - Luật sư thuộc Công ty luật TNHH Trí Tuệ, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Mạnh Nhất, sinh năm 1973 (vắng mặt).
2. Anh Trần Mạnh Hoa, sinh năm 1976 (vắng mặt).
3. Chị Trần Thị Lan (tên gọi là khác Hồng), sinh năm 1978 (vắng mặt).
4. Chị Trần Thị Tiếp, sinh năm 1981 (vắng mặt).
5. Chị Phan Thị Vinh Hiền, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hiền: Anh Trần Mạnh Nhất, sinh năm 1973 (vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Thị Thúy, sinh năm 1979 (vắng mặt).
7. Chị Đỗ Thị Nga, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Anh Trần Văn T, bà Nguyễn Thị L, người đại diện theo ủy quyền của bà L; chị Trần Thị Tiếp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì có nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà kết hôn với ông Trần Mạnh Tiến năm 1972. Ông bà sinh được 05 người con gồm: Trần Mạnh Nhất, Trần Văn T, Trần Mạnh Hoa, Trần Thị Lan, Trần Thị Tiếp. Ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Ngày 12/01/2019 âm lịch, ông Tiến chết. Trước khi chết ông Tiến không để lại di chúc và để lại di sản là thửa đất số 10, tờ bản đồ 78, diện tích 721m² tại khu phố 3, Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh. Thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Mạnh Tiến ngày 07/6/1996, trên thửa đất có hai ngôi nhà cấp 4.

Nguồn gốc thửa đất là do năm 1972, vợ chồng bà được hợp tác xã cấp. Sau khi được cấp, vợ chồng bà làm một căn nhà tranh vách đất. Khoảng năm 1979, vợ chồng bà phá gian nhà tranh đi để xây nhà cấp 4 như hiện nay. Khoảng năm 1980, ông bà mua ao của hợp tác xã Cẩm Giang giáp với mảnh đất đã mua trước. Quá trình sinh sống vợ chồng bà cùng các con đã tân lập để có được phần diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay. Năm 1996, vợ chồng bà làm một ngôi nhà cấp 4 ở phía ngoài cùng của thửa đất giáp ngõ đi để cho anh T ở riêng. Khoảng năm 2013-2014, vợ chồng anh T xây dựng nhà hai tầng. Khoảng năm 2003, ông bà xây dựng một căn nhà cấp 4 để anh Hoa ra ở riêng. Năm 2016,

vợ chồng anh Hoa phá gian nhà cấp bốn để xây ngôi nhà ba tầng, diện tích anh Hoa đang sử dụng khoảng 150m². Năm 2006, vợ chồng bà làm thủ tục tặng cho chị Tiếp 64,5m² đất giáp với mặt đường chính, một phía giáp với đất anh Hoa và một phía giáp đất anh T. Sau đó, chị Tiếp xây dựng nhà ba tầng, phần còn lại ở phía sau giáp phần đất của chị Tiếp vợ chồng bà cho chị Lan. Năm 2012, vợ chồng bà làm thủ tục sang tên cho chị Tiếp diện tích đất 64,5m².

Để đi vào thửa đất của chị Lan và nhà cấp 4 của ông bà thì ông Tiến có mở một lối đi, chiều rộng 1,75m ở phía sau đất cắt qua phần đất của anh T, anh Hoa. Tuy nhiên, anh T không đồng ý với việc mở lối đi do vậy nội bộ gia đình bà không thể thống nhất.

Nay bà L đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với phần di sản mà ông Tiến để lại là ½ diện tích đất của thửa đất trên theo quy định của pháp luật. Bà L có nguyện vọng ½ diện tích đất của bà thì trả bà bằng đất và xác nhận đó là tài sản riêng của bà. Đối với kỷ phần thừa kế mà chị Lan được hưởng bà đề nghị cho chị Lan có bề mặt quay ra ngõ phía sau đất của anh T, không để lại ngõ nữa. Đối với tài sản gắn liền với đất gồm ngôi nhà cấp 4 anh T đang sử dụng và nhà cấp 4 bà L đang sử dụng bà không đề nghị chia thừa kế vì những tài sản này đã hết giá trị sử dụng.

Khi vợ chồng bà mua ao của Hợp tác xã, vợ chồng bà có vay của anh Nhất 1,5 chỉ vàng. Mục đích vay để trả nợ chị Oanh Hồng. Sau đó, anh Nhất đòi vợ chồng bà phải trả 80m² đất tương đương với số vàng vợ chồng bà vay. Tuy nhiên, anh Nhất cho rằng nếu anh lấy đất thì bố con sẽ hết tình cảm do đó hai bên chưa thống nhất được gì. Nay nếu anh Nhất đòi vàng bà sẽ trả bằng vàng và lãi suất. Nếu anh Nhất đòi đất bà không đồng ý.

Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày: Anh nhất trí với lời trình bày của mẹ anh về hoàn cảnh gia đình. Bố mẹ anh sinh được 5 người con như bà L trình bày là đúng. Ngoài 5 người con này bố mẹ anh không có con nuôi, con riêng nào khác. Ngày 12/01/2019, bố anh chết. Khi chết bố anh không để lại di chúc và nghĩa vụ gì. Việc lo ma cho bố anh do mẹ anh và các anh chị em trong gia đình đứng lên lo đến nay không có tranh chấp gì.

Bố mẹ anh có thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích 721m² tại xóm 3, Cẩm Giang, Đồng Nguyên. Thửa đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố anh. Trên thửa đất hiện nay có hai căn nhà cấp 4. Nguồn gốc thửa đất anh không nắm rõ. Anh chỉ biết có một phần là đất ao, một phần là đất liền thổ. Quá trình sinh sống, anh và gia đình đã cùng nhau tân tạo thửa đất. Năm 1997, anh lấy vợ và được bố mẹ chia cho một phần diện tích của thửa đất khoảng hơn 100m². Thửa đất này ở ngoài giáp với ngõ cũ. Sau khi phân chia đất anh đã làm nhà và xây

tường bao xung quanh. Việc xây dựng là do vợ chồng anh các con anh không có đóng góp gì. Khi bố mẹ anh cho đất anh chỉ nói miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì. Ngoài ra, bố mẹ anh chia cho anh Nhất một phần đất do anh Nhất ở chung cùng bố mẹ. Phần đất này có vị trí ở ngoài cùng giáp với nhà ông Chuyên. Sau đó là thửa đất của anh Hoa, chị Lan và chị Tiếp. Thửa đất của chị Tiếp đã được bố mẹ anh làm thủ tục tặng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay bà L khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của ông Tiến để lại. Quan điểm của anh là muốn Tòa án hòa giải theo hướng anh trích ra một ngõ rộng 1,5m hoặc 1,75m để đi vào thửa đất mà bà L và chị Lan đang sử dụng. Bởi toàn bộ diện tích đất đã được bố mẹ anh phân chia cho các con và sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay không có tranh chấp gì nên anh muốn được giữ nguyên hiện trạng như bố mẹ anh đã phân chia.

Đối với ngôi nhà cấp 4 bốn gian lợp ngói hiện bà L đang sử dụng và ngôi nhà cấp 4 phía sau đất của anh hiện nay do anh đang sử dụng là nhà của bố mẹ anh xây dựng. Đối với ngôi nhà cấp 4 anh đang sử dụng lúc anh ra ở bố mẹ anh chỉ xây bốn bức tường và lợp mái. Đến năm 1997, anh lấy vợ và sửa chữa lại như làm cửa, lát nền, quét vôi và hoàn thiện ngôi nhà. Hiện nay ngôi nhà cũng đã xuống cấp, bà L không yêu cầu gì đối với hai ngôi nhà anh cũng đồng ý và cũng không đề nghị trích trả công sức đóng góp đối với ngôi nhà anh đang sử dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Nhất trình bày: Về quan hệ gia đình như bà L trình bày là đúng anh không có ý kiến gì.

Năm 2019, bố anh chết không để lại di chúc. Khi bố anh chết cũng không để lại nghĩa vụ gì. Bố anh có để lại di sản là thửa đất số 10, tờ bản đồ 78, diện tích 721m². Nguồn gốc thửa đất là năm 1972, bố mẹ anh được hợp tác xã cấp một phần đất còn diện tích bao nhiêu anh không rõ. Đến năm 1980, hợp tác xã thanh lý ao giáp với thửa đất nên bố mẹ anh mua. Nguồn tiền để mua ao là do bố mẹ anh vay của hàng xóm và vay của ông Long anh trai của mẹ anh. Năm 1997, anh làm thuê cho hàng xóm để trừ vào số nợ mà bố mẹ anh đã vay. Số nợ cụ thể bao nhiêu anh không biết. Do là hàng xóm thân thiết nên sau khi làm xong hai bên chỉ nói xóa công nợ. Năm 2003, anh làm thuê công thợ cho ông Long anh trai bà L 02 ngôi nhà ba tầng tại Đông Anh, Hà Nội đến khi ông Long mất thì vợ chồng ông Long và bà L cũng xóa công thợ của anh để trừ nợ trước đó. Số tiền cụ thể là bao nhiêu anh không biết vì bà L không nói.

Năm 2003, bố mẹ anh cấm cộc với ý định chia đất làm ba để cho ba anh em trai. Đến năm 2006, bố anh lại có ý định chia thửa đất làm 4 phần trong đó một phần cho chị Tiếp và chị Lan còn ba phần cho ba anh em trai anh như thực tế hiện

nay các anh em anh đang sử dụng. Do bố mẹ đã phân chia, nên anh T và anh Hoa đã xây nhà trên diện tích đất đã chia. Xây nhà xong anh em sử dụng ổn định và không có tranh chấp gì. Năm 2006, anh em trong nhà lục đục anh đã đòi hỏi quyền lợi vì anh có công sức đóng góp trong việc mua và tân tạo thửa đất. Vì thế, bố mẹ anh đã làm văn bản trả anh diện tích đất với chiều rộng là 4,5m và chiều dài 20m. Sau khi bố mẹ anh làm văn bản này, giữa bố mẹ anh và anh không thực hiện việc phân chia hay đòi đất nữa.

Nay mẹ anh khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế do bố anh để lại quan điểm của anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ anh. Anh đề nghị không chia thừa kế và giữ nguyên hiện trạng đất như hiện nay mà trước đó bố mẹ anh đã chia cho các con. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận chia thừa kế anh đề nghị giải quyết theo quy định và đề nghị xem xét đến công sức đóng góp của anh.

Anh Trần Mạnh Hoa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh xác nhận lời trình bày của mẹ anh về quan hệ gia đình cũng như di sản thừa kế do bố anh để lại là đúng.

Nguồn gốc thửa đất mẹ anh đề nghị chia là của bố mẹ anh mua. Sau đó, trong quá trình sinh sống bố mẹ anh tân lấp dần ra ao. Khoảng năm 2003, bố mẹ anh đã phân chia thửa đất thành 4 thửa trong đó có một thửa có diện tích khoảng 300m² do anh Nhất sử dụng vì anh Nhất ở cùng bố mẹ anh; thửa thứ hai là của anh có diện tích khoảng 160m²; thửa thứ ba giáp với thửa của anh được chia làm hai phần đất nhỏ, nửa phía trước trục đường chính cho chị Tiếp, nửa phía sau cho chị Lan; thửa thứ tư cho anh T. Sau khi phân chia đất, các anh tự xây dựng công trình trên diện tích đất đã được phân chia. Để có lối đi vào thửa đất của chị Lan và thửa đất của bố mẹ anh, bố mẹ anh đã để 01 ngõ đi phía sau của thửa đất. Ngõ lúc đó có chiều rộng phía trước khoảng 1,3m; phía sau khoảng 1,5m. Tuy nhiên, do chưa sử dụng đến ngõ nên anh T ở ngoài cùng của thửa đất đã xây tường bịt ngõ đi. Việc phân chia đất bố mẹ anh chỉ phân chia bằng miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì. Bốn thửa đất trên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng đối với diện tích đất của chị Tiếp đang sử dụng đã được bố mẹ anh làm thủ tục tặng cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Anh xác định diện tích đất là của bố mẹ anh. Khi bố anh còn sống đã phân chia thế nào thì anh muốn giữ nguyên hiện trạng như vậy. Anh đề nghị Tòa án hòa giải, anh đồng ý để 01 ngõ đi vào thửa đất của mẹ anh và thửa đất của chị Tiếp đang sử dụng có chiều rộng 1,5m. Nếu bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế anh đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh không đề nghị chia hai ngôi nhà cấp 4.

Chị Trần Thị Lan và Trần Thị Tiếp người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Các chị đồng ý với lời trình bày của bà L về quan hệ gia đình cũng như di sản thừa kế mà bố các chị để lại. Khi bố các chị chết không để lại nghĩa vụ gì và cũng không để lại di chúc. Nguồn gốc di sản mà bố chị để lại như mẹ chị trình bày là đúng. Đến khoảng năm 2003, bố mẹ các chị có phân chia đất cho các con như hiện trạng đang sử dụng và có để 01 ngõ cổ phía sau đất đi vào đất của chị Lan và đất của bố mẹ chị. Việc phân chia bố mẹ chị chỉ nói bằng miệng chứ không có văn bản giấy tờ gì nên cả bốn thửa đất hiện nay đều chưa được cấp sổ đỏ. Đối với diện tích đất của chị Tiếp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Tiếp không đồng ý chia. Nay mẹ chị là bà L đề nghị chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế mà bố chị để lại chị đồng ý và đề nghị phần các chị được hưởng các chị xin nhận bằng đất. Các chị không đề nghị chia thừa kế đối với hai căn nhà cấp bốn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy trình bày: Thừa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích 721m² là của bố mẹ chồng chị, chị không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất. Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà của vợ chồng chị nên không đồng ý chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Nga trình bày: Việc bà L đề nghị chia di sản thừa kế của ông Tiến để lại chị không có ý kiến gì. Đối với ngôi nhà trên đất là tài sản của vợ chồng chị xây dựng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Vinh Hiền trình bày: Bà L đề nghị chia di sản thừa kế của ông Tiến để lại chị không có ý kiến gì. Đối với các công trình xây dựng trên đất của vợ chồng chị như nhà tắm, bể nước đã xuống cấp không còn giá trị nên chị không đề nghị trích trả.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 158, 159, 165, 166, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, 98, 167, 168, 188 Luật Đất đai 2013; Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 05/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về diện tích đất tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Mạnh Tiến.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Mạnh Tiến gồm: Bà Nguyễn Thị L, anh Trần Mạnh Nhất, anh Trần Văn T, anh Trần Mạnh Hoa, chị Trần Thị Lan, chị Trần Thị Tiếp.

3. Xác nhận di sản thừa kế của ông Trần Mạnh Tiến là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích $323,25m^2$ đất tại xóm 3, Cẩm Giang, xã Đồng Nguyên (nay là khu 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) theo giấy CNQSDĐ số I 124576 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 07/6/1996 mang tên Trần Mạnh Tiến.

Xác nhận $\frac{1}{2}$ khối tài sản là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích $323,25m^2$ tại xóm 3, Cẩm Giang, xã Đồng Nguyên (nay là Khu 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) theo GCNQSDĐ số I 124576 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 07/6/1996 mang tên Trần Mạnh Tiến còn lại là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị L, anh Trần Mạnh Nhất, anh Trần Mạnh Hoa, anh Trần Văn T, chị Trần Thị Lan, chị Trần Thị Tiếp kỹ phần di sản thừa kế mỗi người được nhận là $53,87m^2$ đất trị giá 511.765.000 đồng.

Xác nhận $184,8m^2$ đất là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L có giá trị 1.755.600.000đ đồng có tứ cận: Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của ông Bình, bà Huyền; phía Đông Bắc giáp đất của anh Nhất và anh Hoa; phía Tây giáp đất của ông Chuyền, bà Gái.

5. Chia cho anh Trần Mạnh Nhất được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $79,7m^2$ trị giá 757.150.000 đồng.

Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3 Cẩm Giang; phía Nam giáp đất của bà L; phía Đông giáp đất của anh Hoa; phía Tây giáp đất của bà L.

6. Chia anh Trần Mạnh Hoa được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $146,3m^2$ trị giá 1.389.850.000 đồng.

Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của bà L; phía Đông giáp đất của chị Tiếp, anh T, chị Lan; phía Tây giáp đất của anh Nhất, bà L.

7. Chia cho chị Trần Thị Tiếp được quyền sử dụng $5,7m^2$ đất (là diện tích dôi ra so với diện tích được sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 077224 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 21/9/2012 mang tên Trần Thị Tiếp) trị giá 54.150.000 đồng, trong đó $3,4m^2$ có các cạnh: Phía Bắc giáp đất của chị Tiếp; phía Nam giáp đất của anh T; phía Đông giáp đất của anh T; phía Tây giáp đất của anh Hoa và $2,3m^2$ phía tiếp giáp đất của anh Hoa.

8. Chia cho anh Trần Văn T được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $183,8m^2$ trị giá 1.746.100.000 đồng.

Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của chị Lan; phía Đông giáp ngõ đi của khu phố 3; phía Tây giáp đất của của chị Tiếp và anh Hoa.

Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ các công trình trên đất được chia cho chị Lan.

9. Chia cho chị Trần Thị Lan được quyền sử dụng 60m² trị giá 570.000.000 đồng.

Phía Bắc giáp đất của anh T; phía Nam giáp đất của ông Bình, bà Huyền; phía Đông giáp ngõ đi của khu phố 3; phía Tây giáp đất của chị Tiếp và anh T.

(có sơ đồ chi tiết kèm theo và là một bộ phận không tách rời khỏi bản án).

10. Buộc các đương sự có nghĩa vụ trích trả bà Nguyễn Thị L giá trị chênh lệch tài sản được hưởng bằng tiền như sau:

Buộc anh Trần Văn T trích trả bà L 1.234.335.000 đồng; buộc anh Trần Mạnh Hoa trích trả bà L 878.085.000 đồng; buộc anh Trần Mạnh Nhất trích trả bà L 182.045.000 đồng; buộc chị Trần Thị Lan trích trả bà L 70.495.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trích trả chị Trần Thị Tiếp 457.615.000 đồng giá trị di sản thừa kế được nhận.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản, nghĩa vụ T hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2022, anh Trần Văn T kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 21/7/2022, bà Nguyễn Thị L kháng cáo không đồng ý chia bằng tiền, đề nghị chia cho bà bằng đất và không đồng ý với giá đất là 9.500.000đ/m².

Ngày 18/7/2022, ông Lê Quốc Đ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo không đồng ý chia bằng tiền, đề nghị chia cho bà L bằng đất và không đồng ý với giá đất là 9.500.000đ/m².

Ngày 27/7/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Tiếp kháng cáo không đồng ý chia bằng tiền đề nghị chia cho chị bằng đất và không đồng ý với giá đất là 9.500.000đ/m².

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn là anh Trần Văn T vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Tiếp kháng cáo có đơn xin vắng mặt.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, Luật sư Đào Thị Lan Anh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L vì mức giá không sát với giá thị trường; Hội đồng định giá cấp phúc thẩm chưa tuân thủ đúng quy định; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không được triệu tập tham gia buổi định giá nhưng được ghi trong biên bản; phiên tòa lần thứ nhất ngày 21/11/2022 của Tòa án cũng không triệu tập Luật sư và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trong khi Luật sư đã làm thủ tục bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn ngày 14/11/2022; Luật sư đã có đơn kiến nghị nhưng tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã không chấp nhận, do đó bà L vẫn đề nghị định giá lại để đảm bảo quyền lợi của bà L, nếu không đề nghị Hội đồng xét xử chia bằng đất theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nhất trí với luận cứ của luật sư Lan Anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH14, xử sửa bản án sơ thẩm xử. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T và chị Tiếp.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị L, ông Lê Quốc Đ, anh Trần Văn T, chị Trần Thị Tiếp nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Đối với anh Trần Văn T là bị đơn có kháng cáo nhưng vắng mặt. Xét thấy, anh T đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng thì coi như từ bỏ

việc kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T.

Đối với chị Trần Thị Tiếp là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, lý do mới sinh con nhỏ sức khỏe không được tốt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tiếp.

[2]. Về nội dung: Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích $721m^2$ tại khu phố 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh theo các đương sự xác nhận đó là tài sản chung của ông Tiến, bà L được Hợp tác xã Đồng Nguyên cấp cho một phần vào năm 1972. Đến năm 1980 ông Tiến, bà L mua ao của hợp tác xã liền kề với thửa đất. Sau khi mua vợ chồng ông Tiến, bà L cùng các con đã tân lập ao nên được thửa đất như hiện nay. Ngày 07/6/1996, thửa đất được UBND huyện Tiên Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trần Mạnh Tiến. Trong quá trình sử dụng, ông Tiến, bà L đã làm hợp đồng tặng cho chị Trần Thị Tiếp $64,5m^2$ và diện tích đất này chị Tiếp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do đó, xác định tài sản của ông Tiến, bà L còn lại diện tích đất là $656,5m^2$.

Quá trình sử dụng đất, vợ chồng bà L mua diện tích đất ao thì có vay của anh Nhất 1,5 chỉ vàng. Anh Nhất trình bày khi bố mẹ anh mua đất có vay tiền của hàng xóm và anh trai bà L, sau đó anh đi làm cho những người này và trừ vào tiền công của anh để trả nợ. Do đó, bản án sơ thẩm xác định anh Nhất có đóng góp một phần công sức để mua ao và có được thửa đất như hiện nay nên trích chia công sức cho anh Nhất bằng quyền sử dụng đất trong khối tài sản của ông Tiến, bà L là $10m^2$ đất. Sau khi trích chia công sức cho anh Nhất thì tài sản chung của ông Tiến bà L còn $646,5m^2$. Ông Tiến chết không để lại di chúc. Di sản của ông Tiến để lại là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 10, tờ bản đồ 78, diện tích $646,5m^2$ tương ứng với diện tích $323,25m^2$.

Bà L đề nghị chia di sản thừa kế của ông Tiến để lại theo quy định của pháp luật. Chị Tiếp, chị Lan đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Nhất, anh T, anh Hoa đề nghị Tòa án giữ nguyên hiện trạng sử dụng thửa đất như hiện nay vì trước khi mất bố các anh đã chia đất cho các anh chị em trong gia đình hiện nay đang sử dụng. Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bà L kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng mức giá $9.500.000đ/m^2$ là thấp so với giá thị trường và đề nghị chia cho bà L bằng đất. Diện tích đất các con bà L chưa xây nhà cao tầng kiên cố nếu diện tích vượt mức được hưởng di sản thừa kế

thì trả bà L bằng tiền và tính theo giá trị vào thời điểm chia đất; chị Trần Thị Tiếp kháng cáo không đồng ý chia bằng tiền đề nghị chia cho chị đất và không đồng ý với mức giá là 9.500.000đ/m².

Xét kháng cáo của bà nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Tiếp, Hội đồng xét xử thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bà Nguyễn Thị L nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tiến hành định giá lại nên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định thành lập Hội đồng định giá lại tài sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 18, diện tích 656,5m² tại khu phố 3, Cẩm Giang, Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh theo quy định. Theo kết quả định giá lại của Hội đồng định giá tài sản thì 1m² đất có giá 11.500.000 đồng (tăng 2.000.000đ/m² so với cấp sơ thẩm). Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì mức giá 11.500.000đ/m² đất là thấp, không phù hợp với giá thị trường tại địa bàn thành phố Từ Sơn. Hội đồng xét xử xét thấy về mức giá đất thì tại phiên họp định giá bà L đã có ý kiến đề nghị xem xét nhưng Hội đồng định giá sau khi trao đổi vẫn quyết định mức giá là 11.500.000đ/m² và việc định giá lại được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành quyết định thực hiện vào ngày 05/12/2022, tính đến ngày xét xử phúc thẩm được hơn hai tháng. Do vậy, yêu cầu định giá lại của của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, theo kết quả định giá lại vào ngày 05/12/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng dân sự thành phố Từ Sơn thì có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Tiếp.

Đối với kháng cáo của bà L đề nghị trích trả toàn bộ phần di sản và phần diện tích đất của bà trong khối tài sản chung của bà và ông Tiến; chị Tiếp đề nghị trích trả phần di sản được hưởng bằng hiện vật thì thấy: Thực tế hiện nay anh Nhất, anh T, anh Hoa đều đã xây nhà trên phần đất mà các anh được bố mẹ các anh giao cho, mặc dù không có văn bản tặng cho hay phân chia nhưng các anh đang sử dụng ổn định. Do vậy, không thể chia cho bà L diện tích đất theo như đề nghị của bà, bởi nếu chia như vậy sẽ làm ảnh hưởng đến các công trình xây dựng trên đất. Toàn bộ công trình do anh Nhất, anh T, anh Hoa xây đều là công trình kiên cố, không thể phá dỡ và đây cũng là chỗ ở duy nhất của gia đình các anh. Mặt khác, hiện nay bà L đã có chỗ ở ổn định. Do đó, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo giá trị của các công trình xây dựng trên đất, bản án sơ thẩm đã trích trả bà L phần diện tích

đất chưa có công trình xây dựng là 184,8m² là phù hợp. Phần diện tích đất còn lại của bà L và kỹ phần thừa kế bà L được hưởng, do diện tích đất này anh Hoa, anh Nhất, anh T và chị Lan cũng sử dụng phần đất này ổn định nên bản án sơ thẩm đã giao cho anh Hoa, anh Nhất, anh T, chị Lan được tiếp tục sử dụng và trích trả bằng tiền cho bà L tương đương diện tích đất của bà L được hưởng là phù hợp. Do vậy, nội dung kháng cáo này không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn thuộc đối tượng người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo kỹ phần di sản được hưởng và phần phải trích trả cho bà L theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu án phí đối với phần di sản được hưởng mà không tính án phí đối với phần phải trích trả cho bà L là không phù hợp, do đó cần sửa bản án sơ thẩm phần án phí.

Bà Nguyễn Thị L, chị Trần Thị Tiếp và người đại diện theo ủy quyền của bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Anh Trần Văn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 26, 35, 39, 147, 148, 158, 159, 165, 166, 271, 273, Điều 296 và 312 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95, 98, 167, 168, 188 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án, xử sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Mạnh Tiến.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Mạnh Tiến gồm: Bà Nguyễn Thị L, anh Trần Mạnh Nhất, anh Trần Văn T, anh Trần Mạnh Hoa, chị Trần Thị Lan (Hong), chị Trần Thị Tiếp.

3. Xác nhận di sản thừa kế của ông Trần Mạnh Tiến là: ½ thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích 323,25m² đất tại xóm 3, Cẩm Giang, xã Đồng Nguyên (nay là khu 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) theo giấy CNQSDĐ số I 124576 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 07/6/1996 mang tên Trần Mạnh Tiến.

Xác nhận $\frac{1}{2}$ khối tài sản là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 78, diện tích $323,25m^2$ tại xóm 3, Cẩm Giang, xã Đồng Nguyên (nay là Khu 3, Cẩm Giang, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 124576 do UBND huyện Tiên Sơn cấp ngày 07/6/1996 mang tên Trần Mạnh Tiên là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L.

4. Chia cho bà Nguyễn Thị L, anh Trần Mạnh Nhất, anh Trần Mạnh Hoa, anh Trần Văn T, chị Trần Thị Lan (Hồng), chị Trần Thị Tiếp kỹ phần di sản thừa kế mỗi người được nhận là $53,87m^2$ đất trị giá 619.505.000 đồng.

Xác nhận $184,8m^2$ đất là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị L có giá trị 2.125.200.000 đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của ông Bình, bà Huyền; phía Đông Bắc giáp đất của anh Nhất và anh Hoa; phía Tây giáp đất của ông Chuyền, bà Gái.

- Chia cho anh Trần Mạnh Nhất được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $79,7m^2$ trị giá 916.550.000 đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3 Cẩm Giang; phía Nam giáp đất của bà L; phía Đông giáp đất của anh Hoa; phía Tây giáp đất của bà L.

- Chia anh Trần Mạnh Hoa được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $146,3m^2$ trị giá 1.682.450.000 đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của bà L; phía Đông giáp đất của chị Tiếp, anh T, chị Lan; phía Tây giáp đất của anh Nhất, bà L.

- Chia cho chị Trần Thị Tiếp được quyền sử dụng $5,7m^2$ đất (là diện tích dôi ra so với diện tích được sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 077224 do UBND thị xã Từ Sơn cấp ngày 21/9/2012 mang tên Trần Thị Tiếp) trị giá 65.550.000 đồng, trong đó $3,4m^2$ có các cạnh: Phía Bắc giáp đất của chị Tiếp; phía Nam giáp đất của anh T; phía Đông giáp đất của anh T; phía Tây giáp đất của anh Hoa và $2,3m^2$ phía tiếp giáp đất của anh Hoa.

- Chia cho anh Trần Văn T được quyền sử dụng thửa đất có diện tích $183,8m^2$ trị giá 2.113.700.000 đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp trục đường khu phố 3; phía Nam giáp đất của chị Lan; phía Đông giáp ngõ đi của khu phố 3; phía Tây giáp đất của chị Tiếp và anh Hoa. Buộc anh Trần Văn T có nghĩa vụ tháo dỡ các công trình trên đất được chia cho chị Lan.

- Chia cho chị Trần Thị Lan (Hồng) được quyền sử dụng $60m^2$ trị giá 690.000.000 đồng, có tứ cận: Phía Bắc giáp đất của anh T; phía Nam giáp đất của ông Bình, bà Huyền; phía Đông ngõ đi của khu phố 3; phía Tây giáp đất của chị Tiếp và anh T (có sơ đồ chi tiết kèm theo bản án sơ thẩm).

Các đương sự có nghĩa vụ trích trả bà Nguyễn Thị L giá trị chênh lệch tài sản được hưởng bằng tiền như sau:

Buộc anh Trần Văn T phải trích trả bà L 1.494.195.000 đồng (Một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng); anh Trần Mạnh Hoa phải trích trả bà L 1.062.945.000đ (Một tỷ không trăm sáu mươi hai triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); anh Trần Mạnh Nhất phải trích trả bà L 297.045.000 đồng (Hai trăm chín mươi bảy triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); chị Trần Thị Lan (Hồng) phải trích trả bà L 70.495.000 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trích trả chị Trần Thị Tiếp 553.955.000 đồng (Năm trăm năm mươi ba triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng) giá trị di sản thừa kế được nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu T hành án của người được T hành án cho đến khi T hành án xong, bên phải T hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải T hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh T.

6. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Mạnh Nhất phải chịu 36.046.000 đồng; anh Trần Mạnh Hoa phải chịu 62.473.500.000 đồng; anh Trần Mạnh T phải chịu 74.274.000 đồng; chị Trần Thị Lan (Hồng) phải chịu 31.600.000 đồng; chị Trần Thị Tiếp phải chịu 31.264.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà L.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Đ, chị Tiếp không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Đ, chị Tiếp mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003713 ngày 27/7/2022 và biên lai thu số 0003721 ngày 29/7/2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003692 ngày 18/7/2022 của Chi cục T hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị L, anh Trần Mạnh Nhất, anh Trần Văn T, anh Trần Mạnh Hoa, chị Trần Thị Lan, chị Trần Thị Tiếp mỗi người phải chịu 3.333.000 đồng chi phí định giá và xem xét thẩm định. Xác nhận bà L đã nộp 12.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Anh Nhất, anh T, anh Hoa, chị Lan, chị Tiếp mỗi người phải trả bà L 3.333.000 đồng.

Anh Trần Văn T phải chịu 5.000.000 đồng chi phí định giá tại phúc thẩm. Xác nhận bà L đã nộp 5.000.000 đồng, anh T phải thanh toán trả bà L 5.000.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được T hành theo quy định tại Điều 2 Luật T hành án dân sự thì người được T hành án dân sự, người phải T hành án dân sự có quyền thoả thuận T hành án, quyền yêu cầu T hành án, tự nguyện T hành án hoặc bị cưỡng chế T hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật T hành án dân sự; thời hiệu T hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật T hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Nam Nguyễn Tuyết Mai

Nguyễn Văn Tính

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố Từ Sơn;
- Chi cục THADS thành phố Từ Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tính